

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 805/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 7 – 2020
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Khả

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2/ Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1460/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh Đ; sinh năm: 1977

Địa chỉ: 4/5/9 Đường A, Khu phố B, phường C, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: ông Võ Thái B ; sinh năm: 1975

Địa chỉ: 95/2/17 đường D, Phường E, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2019, bản tự khai ngày 29/4/2019 tại Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Đ trình bày:

Bà và ông Võ Thái B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo

giấy kết hôn số: 53/2004; Quyền số: I/P2. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, cách sống, cách suy nghĩ mỗi người khác nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, do đó, bà Nguyễn Thị Minh Đ làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Võ Thái B.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Đức và ông Bình có 02 con chung là trẻ Võ Thanh N , sinh ngày: 13/02/2005 và trẻ Võ Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 06/5/2012. Bà Nguyễn Thị Minh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông Võ Thái B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Đức khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thái B nhiều lần vắng mặt mặc dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải đóng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 01/8/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Võ Thái B. Đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Võ Thái B hiện đang cư trú tại 95/2/17 đường D Phường E, quận Bình

Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa cho các đương sự, tuy nhiên nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Võ Thái B và bà Nguyễn Thị Minh Đ chung sống với nhau từ năm 2004 và đã đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy kết hôn số: 53/2004; Quyền số: I/P2, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông B nhiều lần vắng mặt mặc dù được tổng đạt hợp lệ. Xét thấy trên thực tế ông B không tiếp xúc gặp gỡ bà Đ trong quá trình giải quyết vụ án để hàn gắn quan hệ trong hôn nhân. Ông B không thực sự nỗ lực muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, trong khi đó bà Đức xác định đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Điều đó chứng tỏ cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau một thời gian dài. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung gồm: Võ Thành N, sinh ngày 13/02/2005 và Võ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06/5/2012. Nhận thấy yêu cầu của bà Đ phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ trong các bản tự khai ngày 29/4/2020 tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, ông B vắng mặt và không cung cấp được tài liệu chứng minh bà Đ không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Ngoài ra, hiện tại 02 trẻ đang sống ổn định với bà Đ, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao 02 trẻ Võ Thành N, và Võ Nguyễn Đăng K cho bà Nguyễn Thị Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi và sự phát triển tốt nhất cho trẻ. Việc cấp dưỡng nuôi con bà Đức không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Đ yêu cầu tự thỏa thuận tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: bà Đức phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh Đ được ly hôn với ông Võ Thái B.

- Về con chung: giao trẻ Võ Thanh N, sinh ngày: 13/02/2005 và trẻ Võ Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 06/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thái B được quyền thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, trong quá trình nuôi dưỡng, các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: không có.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Minh Đ phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Đức đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0021535 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS q.Bình Thạnh;
- Dương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Khả

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Khả